

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu:

1. Tên Đề án “Phát triển kinh tế tập thể tỉnh An Giang giai đoạn 2026-2030”.

2. Thông tin gói thầu:

ST T	Tên gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu
01	Gói thầu số 04: Lập đề án	Từ nguồn chi thường xuyên khác ngân sách cấp tỉnh năm 2025 (kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ khác và các hoạt động thường xuyên khác)	Đấu thầu rộng rãi trong nước	01 giai đoạn 02 túi hồ sơ	Tháng 02/2026	Trọng gói	25 ngày

Mô tả mục đích tuyển chọn nhà thầu: Lựa chọn tư vấn đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm để thực hiện các nội dung tư vấn xây dựng Đề án “Phát triển kinh tế tập thể tỉnh An Giang giai đoạn 2026-2030” theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Nhà thầu tư vấn cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu này phải đạt các yêu cầu sau:

- Có chức năng cung cấp dịch vụ tư vấn, có đăng ký kinh doanh với ngành nghề đăng ký phù hợp với yêu cầu công việc của gói thầu.

- Có đầy đủ năng lực và kinh nghiệm thay mặt cho Chủ đầu tư thực hiện công việc như nội dung yêu cầu của gói thầu theo đúng yêu cầu kỹ thuật của hồ sơ được duyệt cũng như các yêu cầu xử lý kỹ thuật theo tiêu chuẩn, qui phạm, qui định hiện hành và các văn bản có liên quan.

- Đề xuất tài chính phù hợp với các điều kiện tài chính của gói thầu, nhà thầu phải có bản khối lượng công việc thực hiện và đơn giá chi tiết khi được mời vào thương thảo hợp đồng.

II. Phạm vi công việc:

1. *Mô tả chi tiết phạm vi công việc đối với nhà thầu:*

1.1 Mục tiêu của đề án

1.1.1 Mục tiêu tổng quát: Hoàn thiện bức tranh hiện trạng và khung định hướng phát triển kinh tế tập thể (KTTT) của tỉnh An Giang giai đoạn 2026–2030, làm cơ sở xây dựng chính sách, giải pháp và lộ trình triển khai thống nhất, hiệu quả.

1.1.2 Mục tiêu cụ thể:

Khảo sát, đánh giá hiện trạng kinh tế tập thể: Tổ chức khảo sát, đánh giá hiện trạng KTTT trên địa bàn tỉnh nhằm xác định rõ thực trạng hoạt động, năng lực tổ chức, hiệu quả kinh doanh, những hạn chế và nguyên nhân tồn tại. Mục tiêu đến năm 2026 hoàn thành bộ cơ sở dữ liệu số hóa về KTTT của toàn tỉnh, cập nhật định kỳ hằng năm. Việc khảo sát phải đảm bảo phản ánh đúng tình hình thực tế của hợp tác xã (HTX), tổ hợp tác (THT), liên hiệp HTX và các tổ chức kinh tế khác trong lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, công nghiệp, thương mại – dịch vụ. Kết quả khảo sát là căn cứ quan trọng để định hướng chính sách hỗ trợ, xây dựng mô hình phát triển và theo dõi hiệu quả trong toàn giai đoạn 2026–2030.

Xác định quan điểm, mục tiêu và định hướng phát triển phù hợp với Luật HTX 2023: Bám sát Luật Hợp tác xã năm 2023 và Chiến lược quốc gia phát triển KTTT, An Giang đặt mục tiêu phát triển KTTT theo hướng hiện đại, bền vững, gắn với chuỗi giá trị sản phẩm chủ lực của tỉnh.

Đề xuất chính sách & giải pháp: Xây dựng hệ thống chính sách và nhóm giải pháp khả thi, sát thực tiễn địa phương để nâng cao hiệu quả KTTT. Giải pháp trọng tâm là hoàn thiện cơ chế chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ, tiêu chuẩn hóa quy trình sản xuất; và đẩy mạnh ứng dụng khoa học – công nghệ, chuyển đổi số nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và năng lực cạnh tranh.

Nghiên cứu và gợi ý ứng dụng mô hình nhân rộng phù hợp tỉnh An Giang: Tập trung nghiên cứu, lựa chọn và đề xuất các mô hình tổ chức hoạt động kinh tế tập thể phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế – xã hội và đặc thù sản xuất của tỉnh An Giang, trong giai đoạn 2026–2030, nghiên cứu, đề xuất lựa chọn triển khai thử nghiệm mô hình HTX kiểu mới hoặc mô hình liên kết kinh tế tập thể tiên tiến, phù hợp đặc thù của tỉnh.

Xây dựng lộ trình phát triển: Đề xuất lộ trình phát triển KTTT giai đoạn 2026–2030 phù hợp đặc điểm kinh tế–xã hội của tỉnh và định hướng Trung ương.

Hoàn thiện cơ chế tổ chức thực hiện, giám sát và kiến nghị chính sách: Thiết lập cơ chế điều phối thống nhất trong quản lý và hỗ trợ phát triển KTTT, đảm bảo sự tham gia phối hợp giữa các sở, ngành, Liên minh HTX tỉnh và UBND các xã, phường.

1.2 Nội dung nghiên cứu của đề án:

Nội dung 1: Khảo sát, đánh giá hiện trạng KTTT tỉnh An Giang

Công việc 1.1: Thu thập dữ liệu thứ cấp và sơ cấp về số lượng, lĩnh vực, quy mô, hiệu quả hoạt động của các HTX, tổ hợp tác hiện có; tình hình xã viên, lao động; những khó khăn, vướng mắc đang gặp phải.

Công việc 1.2: Khảo sát dự kiến thực hiện 125 phiếu khảo sát tại các HTX và một số tổ hợp tác tiêu biểu, kết hợp phỏng vấn lãnh đạo HTX, cán bộ quản lý và thành viên. Kết quả khảo sát là cơ sở khoa học để phân tích điểm mạnh, điểm yếu của KTTT tỉnh, làm căn cứ đề xuất giải pháp sát thực tế.

Công việc 1.3: Xây dựng báo cáo đánh giá thực trạng KTTT tỉnh An Giang đến năm 2025 (về kinh tế, xã hội, tổ chức, thể chế liên quan).

Sản phẩm của Nội dung 1: Bộ CSDL hiện trạng KTTT An Giang, Bộ công cụ khảo sát chuẩn hóa (phiếu hỏi, hướng dẫn, kịch bản định tính), Báo cáo tổng hợp hiện trạng KTTT tỉnh An Giang (thống kê, biểu đồ theo địa bàn).

Nội dung 2: Xác định quan điểm, mục tiêu và định hướng phát triển phù hợp với Luật HTX 2023

Công việc 2.1: Rà soát, đối chiếu và cụ thể hóa các quy định của Luật HTX năm 2023 và Chiến lược quốc gia phát triển KTTT, xây dựng định hướng phát triển cho tỉnh An Giang.

Công việc 2.2: Xây dựng hệ thống mục tiêu và chỉ tiêu định lượng đến năm 2030, xác định rõ tỷ lệ HTX hoạt động hiệu quả, mức độ chuyển đổi số và năng lực tự chủ tài chính.

Sản phẩm của Nội dung 2: Báo cáo rà soát pháp lý và khung định hướng phát triển KTTT An Giang đến năm 2030 và bộ chỉ tiêu mục tiêu cụ thể của đề án (phụ lục bảng chỉ tiêu định lượng 2026–2030).

Nội dung 3: Đề xuất giải pháp phát triển KTTT giai đoạn 2026–2030

Công việc 3.1: Đề xuất và hoàn thiện các chính sách hỗ trợ phát triển KTTT về tín dụng, đất đai, thuế, quỹ hỗ trợ phát triển và cơ chế liên kết công – tư.

Công việc 3.2: Tập huấn bồi dưỡng năng lực quản trị và nghiệp vụ cho cán bộ HTX, kết hợp ứng dụng chuyển đổi số.

Công việc 3.3: Xây dựng nhóm giải pháp chính sách đồng bộ theo 5 trụ cột như sau:

Hiệu quả hoạt động HTX

Quản trị và minh bạch

Hỗ trợ từ nhà nước

Liên kết và phát triển thị trường

Tác động xã hội và bền vững

Sản phẩm của Nội dung 3: (1) Bộ chính sách, cơ chế hỗ trợ phát triển KTTT tỉnh An Giang, (2) Chương trình tập huấn; tài liệu hướng dẫn quản trị HTX; danh sách cán bộ được cấp chứng nhận, (3) gói giải pháp 5 trụ cột

Nội dung 4: Nghiên cứu và gợi ý mô hình nhân rộng phù hợp tỉnh An Giang

Công việc 4.1: Nghiên cứu, đề xuất lựa chọn triển khai thử nghiệm mô hình HTX kiểu mới hoặc mô hình liên kết kinh tế tập thể tiên tiến, phù hợp đặc thù của tỉnh.

Công việc 4.2: Phân tích, đánh giá tính khả thi và hiệu quả của các mô hình thí điểm, xác định yếu tố thành công và điều kiện nhân rộng.

Công việc 4.3: Xây dựng bộ khung mô hình chuẩn về tổ chức, quản trị, tài chính, thị trường, chuyển đổi số, làm cơ sở áp dụng rộng rãi trong toàn tỉnh.

Sản phẩm của Nội dung 4: (1) Hồ sơ mô hình thí điểm (bản mô tả chi tiết, cơ cấu tổ chức, quy trình vận hành, hiệu quả dự kiến), (2) Báo cáo tổng kết đánh giá mô hình thí điểm; khuyến nghị nhân rộng, (3) Bộ khung mô hình chuẩn HTX tỉnh An Giang (dạng sơ tay hướng dẫn, tài liệu kỹ thuật, biểu mẫu).

Nội dung 5: Xây dựng lộ trình phát triển giai đoạn 2026–2030 theo từng giai đoạn.

Công việc 5.1: Xây dựng kế hoạch chi tiết theo hai giai đoạn

2026–2027: Xây dựng mô hình hoàn thiện dữ liệu, chính sách, đào tạo, thí điểm mô hình mới.

2028–2030: Mở rộng quy mô, nhân rộng mô hình, phát triển hạ tầng và chuyển đổi số.

Công việc 5.2: Xây dựng kế hoạch phân bổ nguồn lực và kinh phí thực hiện cho từng giai đoạn, bảo đảm tính khả thi.

Công việc 5.3. Thiết lập cơ chế theo dõi, đánh giá tiến độ và hiệu quả thực hiện đề án theo từng giai đoạn.

Công việc 5.4: Xây dựng kế hoạch truyền thông, tuyên truyền và phổ biến kết quả thực hiện đề án nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng, thu hút doanh nghiệp và người dân tham gia phát triển KTTT.

Sản phẩm của nội dung 5: (1) Kế hoạch hành động theo giai đoạn (văn bản, biểu đồ tiến độ, biểu phân kỳ), (2) Bảng kế hoạch phân bổ ngân sách và nguồn lực (phụ lục dự toán kinh phí), (3) Bộ tiêu chí đánh giá tiến độ và biểu mẫu giám sát – báo cáo định kỳ, (4) Kế hoạch truyền thông giai đoạn 2026–2030; bộ tài liệu tuyên truyền giới thiệu mô hình KTTT hiệu quả.

Nội dung 6: Hoàn thiện cơ chế tổ chức thực hiện, giám sát và kiến nghị chính sách

Công việc 6.1: Xây dựng mạng lưới chuyên gia hỗ trợ phát triển KTTT tỉnh An Giang.

Công việc 6.2: Xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá kết quả thực hiện đề án bằng công cụ số, đảm bảo tính minh bạch và chính xác.

Công việc 6.3: Tổng hợp và đề xuất kiến nghị chính sách, hoàn thiện khung pháp lý và cơ chế hỗ trợ mới phù hợp thực tiễn.

Sản phẩm của Nội dung 6: (1) Văn bản xác nhận tham gia mạng lưới chuyên gia hỗ trợ phát triển KTTT (2) Phần mềm hoặc nền tảng quản lý giám sát trực tuyến tiến độ đề án, (3) Báo cáo đề xuất kiến nghị chính sách, hoàn thiện khung pháp lý và cơ chế hỗ trợ mới phù hợp thực tiễn.

1.3. Các hoạt động phục vụ nội dung nghiên cứu của đề án:

(giải trình các hoạt động cần thiết dưới đây phục vụ cho nội dung nghiên cứu của đề tài)

Sưu tầm tài liệu phục vụ nghiên cứu (các tài liệu chính)

Để bảo đảm cơ sở khoa học cho việc phân tích, đánh giá và đề xuất giải pháp, nhóm nghiên cứu sẽ tiến hành sưu tầm, tổng hợp các tài liệu, báo cáo, công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến kinh tế tập thể, hợp tác xã, cũng như các chính sách hỗ trợ khu vực KTTT. Các nguồn tài liệu chính bao gồm: Luật Hợp tác xã 2023, Nghị định và Thông tư hướng dẫn của Chính phủ, báo cáo tổng kết của Liên minh HTX Việt Nam và các địa phương, cùng các nghiên cứu quốc về mô hình hợp tác xã kiểu mới.

Bên cạnh đó, nhóm sẽ hệ thống hóa một số tài liệu nước ngoài tiêu biểu, đặc biệt là kinh nghiệm phát triển HTX ở Nhật Bản, Hàn Quốc, Hà Lan, và Canada. Việc nghiên cứu nhằm tiếp cận những mô hình quản trị hiện đại, phương thức vận hành HTX gắn với chuỗi giá trị và chuyên đổi số nông nghiệp. Các tài liệu được nghiên cứu sẽ là nguồn tham khảo quan trọng cho phần đề xuất mô hình thí điểm và khuyến nghị chính sách trong giai đoạn 2026–2030.

Kết quả của hoạt động này là một bộ “Tổng hợp tài liệu tham khảo về phát triển KTTT”, bao gồm danh mục, tóm tắt nội dung chính, phân loại theo chủ đề (chính sách, tổ chức, công nghệ, thị trường), phục vụ trực tiếp cho các nội dung nghiên cứu, đào tạo và thảo luận trong quá trình triển khai đề án.

Hội thảo/tọa đàm khoa học (số lượng, chủ đề, mục đích, yêu cầu)

Trong khuôn khổ đề án, nhóm nghiên cứu dự kiến tổ chức 01 hội thảo khoa học cấp tỉnh. Hội thảo được tổ chức với chủ đề “Thực trạng và định hướng phát triển Kinh tế Tập thể tỉnh An Giang đến năm 2030”, nhằm thu thập ý kiến của các chuyên gia, nhà quản lý, Liên minh HTX tỉnh và đại diện một số HTX tiêu biểu, thảo luận giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động HTX.

Mục đích chung của các hoạt động này là tạo diễn đàn trao đổi học thuật, gắn kết giữa nhà nghiên cứu – nhà quản lý – thực tiễn sản xuất, bảo đảm các kết quả và giải pháp của Đề án có tính khả thi cao, phù hợp với điều kiện đặc thù của tỉnh An Giang.

Khảo sát/điều tra thực tế trong nước (quy mô, địa bàn, mục đích/yêu cầu, nội dung, phương pháp)

Hoạt động khảo sát được xem là trọng tâm của Đề án, nhằm phản ánh khách quan thực trạng phát triển kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh. Nhóm nghiên cứu dự kiến thực hiện 125 phiếu khảo sát tại các HTX và một số tổ hợp tác tiêu biểu tại các huyện, thị xã và thành phố trong tỉnh. Địa bàn khảo sát trải dài trên các vùng kinh tế chính như: vùng lúa – thủy sản (Thoại Sơn, Tri Tôn, Châu Phú), vùng nông nghiệp – thương mại (Chợ Mới, Phú Tân), và vùng đô thị – dịch vụ (Long Xuyên, Châu Đốc).

Mục đích của khảo sát là thu thập dữ liệu định lượng và định tính về quy mô, lĩnh vực hoạt động, hiệu quả kinh tế, mức độ liên kết chuỗi giá trị, và các khó khăn trong hoạt động của HTX. Nội dung khảo sát bao gồm: tổ chức quản trị, tài chính – kế toán, nhân lực, thị trường tiêu thụ, ứng dụng công nghệ và chính sách hỗ trợ. Phương pháp được sử dụng gồm phỏng vấn sâu, bảng hỏi tiêu chuẩn, thảo luận nhóm tập trung và quan sát thực địa.

Kết quả điều tra được nhập liệu, xử lý thống kê và phân tích bằng phần mềm, từ đó làm cơ sở cho việc xây dựng báo cáo đánh giá thực trạng KTTT tỉnh An Giang đến năm 2025 và đề xuất giải pháp phát triển giai đoạn 2026–2030. Đây là nguồn dữ liệu thực chứng quan trọng, đảm bảo tính khoa học và tính thực tiễn cho toàn bộ Đề án.

2. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện DVTV: 25 ngày

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

SẢN PHẨM CỦA ĐỀ ÁN

Sản phẩm khoa học và công nghệ chính của đề án và yêu cầu chất lượng cần đạt (Liệt kê theo dạng sản phẩm)

Dạng I: Công bố khoa học (Bài báo; Sách chuyên khảo và các sản phẩm khác)

Số TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Dự kiến nơi công bố (Tạp chí, Nhà xuất bản)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	01 Bài báo khoa học	Trình bày nội dung 1,2,3	Tạp chí Kinh tế và dự báo, ISSN 1859-4972, Viện chiến lược phát triển – Bộ Kế hoạch và Đầu tư	

2				
...				

Dạng II: Báo cáo khoa học (báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo kiến nghị); kết quả dự báo; mô hình; quy trình; phương pháp nghiên cứu mới; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu và các sản phẩm khác.

TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Báo cáo tổng kết đề án	Báo cáo có cấu trúc khoa học, trình bày đầy đủ kết quả thực hiện đề án theo các nội dung đã đăng ký; bảo đảm tính logic, chính xác, minh chứng bằng số liệu, biểu đồ và dẫn chứng thực tế. Phải thể hiện rõ các đóng góp mới của đề án trong phương diện khoa học, chính sách và thực tiễn quản lý nhà nước đối với KTTT.	
2	Báo cáo tóm tắt đề án	Trình bày ngắn gọn (từ 10–15 trang) toàn bộ quá trình, kết quả và đóng góp chính của đề án; bảo đảm phản ánh đúng tinh thần, nội dung, phương pháp và kết quả nghiên cứu khoa học; dùng ngôn ngữ dễ hiểu, có thể phổ biến rộng rãi cho các cơ quan, đơn vị và người dân.	
3	Báo cáo thực trạng	Dựa trên cơ sở dữ liệu điều tra thực tế, kết hợp phân tích định lượng và định tính; bảo đảm tính khách quan, đầy đủ, trung thực về thực trạng khu vực KTTT đến năm 2025. Có biểu mẫu thống kê, bản đồ phân bố HTX, và phân tích SWOT về điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức của KTTT tỉnh An Giang.	

TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Ghi chú
	Báo cáo đề xuất các giải pháp phát triển KTTT giai đoạn 2026–2030.	Trên cơ sở phân tích thực trạng và tham khảo kinh nghiệm, xây dựng hệ thống chính sách và nhóm giải pháp khả thi, sát thực tiễn địa phương để nâng cao hiệu quả KTTT bao gồm: (1) báo cáo rà soát chính sách, (2) phân tích vấn đề trọng tâm, (3) kinh nghiệm & bài học, (4) gói giải pháp 5 trụ cột	
4	Báo cáo lộ trình phát triển KTTT giai đoạn 2026–2030 phù hợp đặc điểm kinh tế–xã hội của tỉnh và định hướng Trung ương.	Bộ khung lộ trình & ma trận mục tiêu–kết quả (RBM), Bảng KPI 2026–2030 & bộ chỉ số M&E, Danh mục mô hình ưu tiên & kế hoạch thí điểm, Ma trận nguồn lực, quy chế điều phối & SOP thực thi, Kế hoạch rủi ro, truyền thông & chuyển đổi số hỗ trợ lộ trình.	
5	Cơ sở dữ liệu hiện trạng Kinh tế tập thể An Giang	CSDL được thiết kế theo chuẩn thống nhất, có cấu trúc khoa học, dễ cập nhật và phân tích; chứa thông tin về các HTX, tổ hợp tác, lĩnh vực hoạt động, quy mô, hiệu quả và liên kết. Phải đảm bảo độ chính xác, khả năng tra cứu, chia sẻ và kết nối với hệ thống dữ liệu của Liên minh HTX tỉnh, Sở KH&ĐT và Sở NN&MT.	
6	Website Công thông tin đề án phát triển Kinh tế tập thể	Hệ thống được xây dựng trên nền tảng web hiện đại, có giao diện thân thiện, bảo đảm tính ổn định, bảo mật và khả năng mở rộng. Công thông tin tích hợp tin tức, tài liệu, cơ sở dữ liệu HTX, công cụ tra cứu và diễn đàn trao đổi. Phải đạt yêu cầu về tính tương tác, kết nối với hệ thống quản lý HTX và công thông tin tỉnh An Giang.	

TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Ghi chú
7	AI Chatbot hỗ trợ tư vấn phát triển Kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh An Giang	Chatbot sử dụng mô hình ngôn ngữ tự nhiên (AI/NLP), được huấn luyện trên dữ liệu KTTT và chính sách của tỉnh; có khả năng trả lời tự động các câu hỏi về Luật HTX, chính sách hỗ trợ, quy trình đăng ký, quản lý và vận hành HTX. Hệ thống cần có độ chính xác tối thiểu 85%, hoạt động 24/7 và dễ tích hợp với cổng thông tin điện tử.	
8	Cẩm nang hỗ trợ phát triển Kinh tế tập thể	Biên soạn dưới dạng tài liệu hướng dẫn phổ thông, tổng hợp các mô hình, kinh nghiệm và bài học thực tiễn từ kết quả đề án. Cẩm nang có giá trị tham khảo cho cán bộ quản lý, xã viên HTX, doanh nghiệp và nhà nghiên cứu; đảm bảo tính khoa học, ngôn ngữ phổ thông, bố cục rõ ràng, minh họa cụ thể.	

- Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo,... theo yêu cầu của chủ đầu tư

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

Yêu cầu về nhân sự cần thiết cho gói thầu và cho từng vị trí : theo yêu cầu của Chương III.

V. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Cung cấp những tài liệu có liên quan đến nhiệm vụ của tư vấn, kể cả các tài liệu nghiên cứu liên quan hiện có nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu thực hiện nhiệm vụ của mình.

- Cử cán bộ hỗ trợ nhà thầu thực hiện nhiệm vụ

- Thanh toán, quyết toán theo đúng quy định trong hợp đồng.